

平成22年3月31日

電磁波環境測定結果報告書

測定場所：

[Redacted]

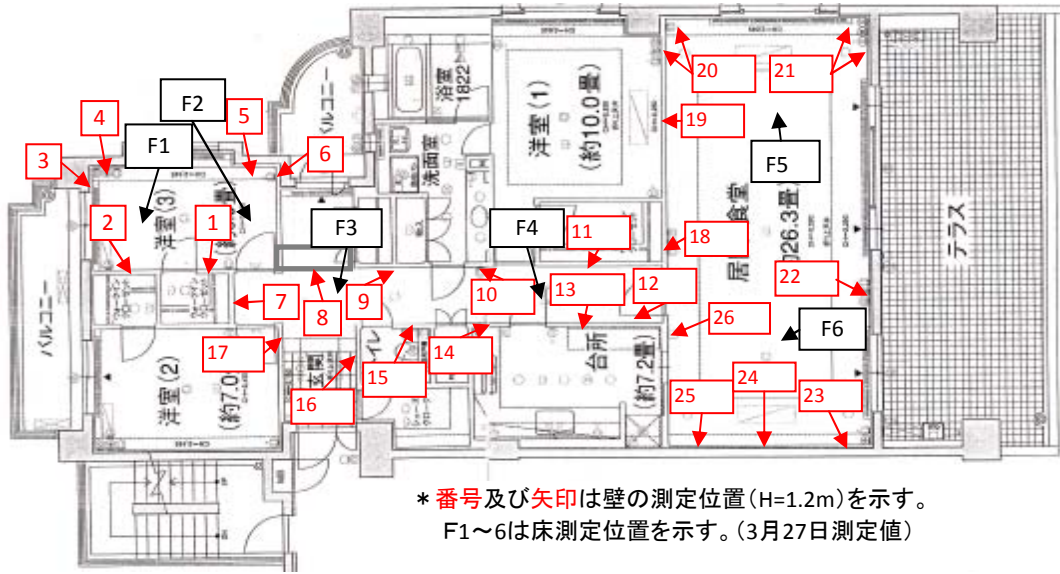
[Redacted]

深江 弘 様

株式会社 レジナ

電磁波測定士 [Redacted]

測定値まとめ



号室 平面図

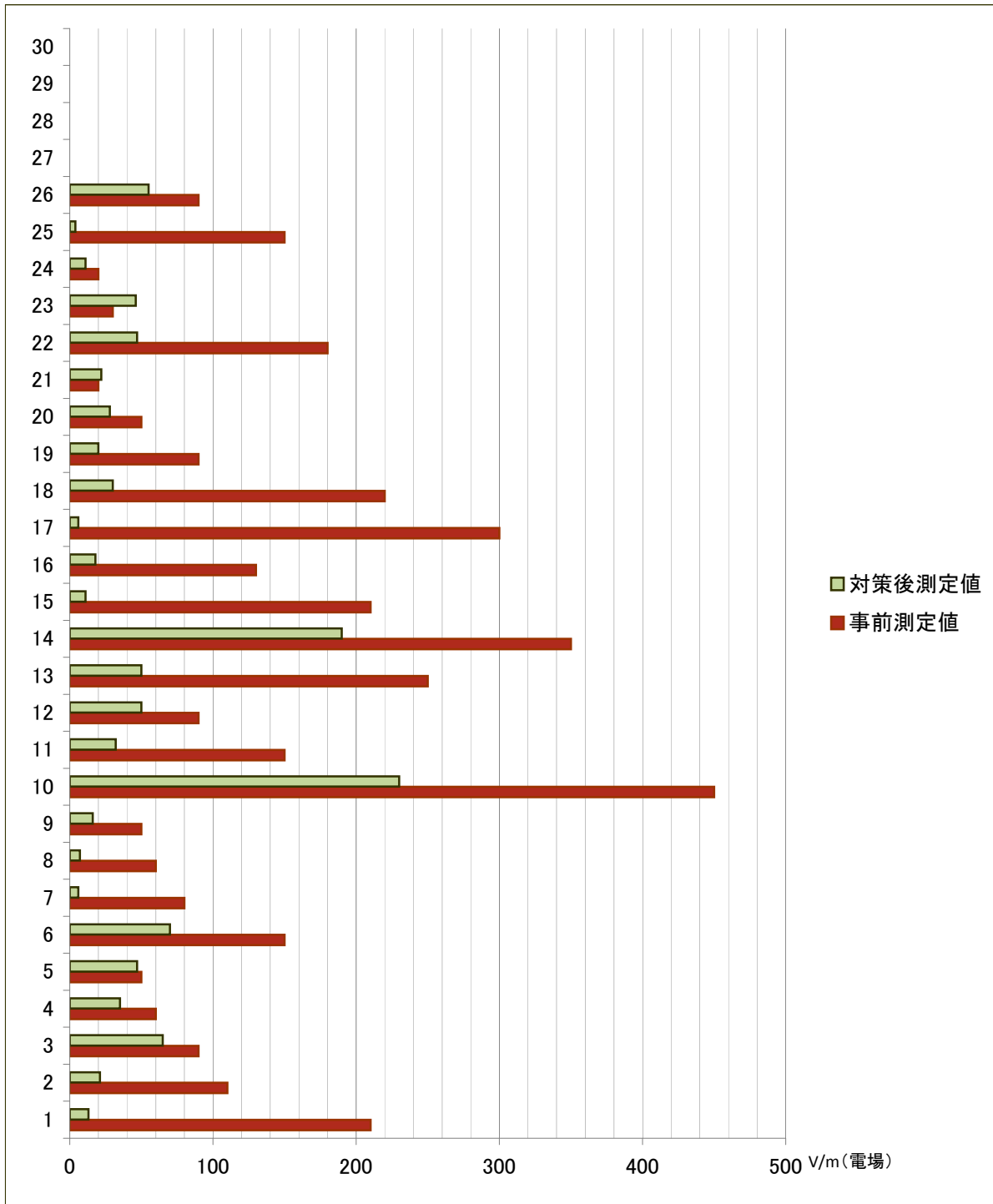
事前測定日時 : 2010年2月20日(土) 10:00 ~ 11:30 晴れ 室温18°C/湿度37%
 対策後測定日時 : 2010年3月27日(土) 9:00 ~ 11:30 晴れ 室温20°C/湿度40%

電磁波(電場)測定 まとめ

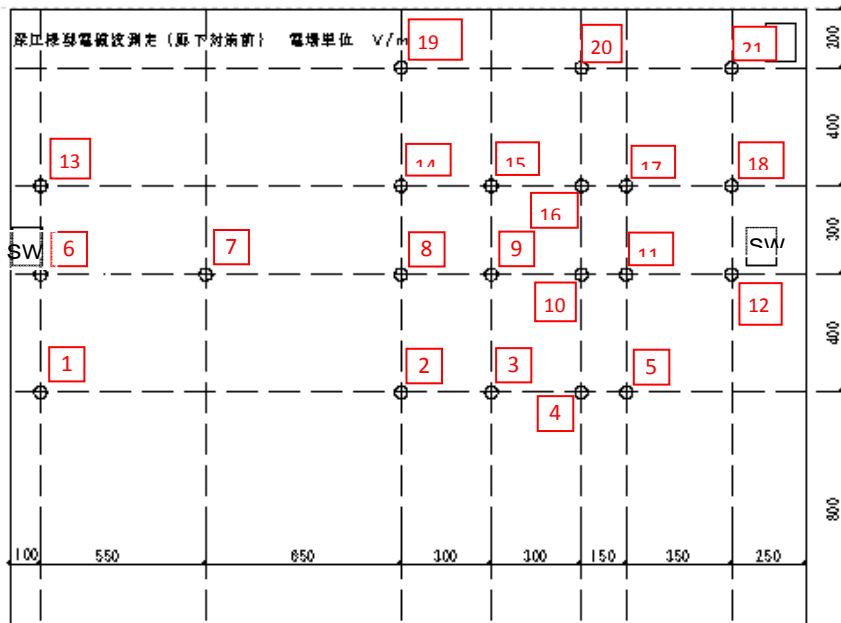
測定位置	事前測定値	対策後測定値	測定位置	事前測定値	床測定値(3/27)
1	210 V/m	13 V/m	F1	V/m	8 V/m
2	110 V/m	21 V/m	F2	V/m	7 V/m
3	90 V/m	65 V/m	F3	V/m	5 V/m
4	60 V/m	35 V/m	F4	V/m	7 V/m
5	50 V/m	47 V/m	F5	V/m	9 V/m
6	150 V/m	70 V/m	F6	V/m	8 V/m
7	80 V/m	6 V/m		V/m	V/m
8	60 V/m	7 V/m		V/m	V/m
9	50 V/m	16 V/m		V/m	V/m
10	450 V/m	230 V/m		V/m	V/m
11	150 V/m	32 V/m		V/m	V/m
12	90 V/m	50 V/m		V/m	V/m
13	250 V/m	50 V/m		V/m	V/m
14	350 V/m	190 V/m		V/m	V/m
15	210 V/m	11 V/m		V/m	V/m
16	130 V/m	18 V/m		V/m	V/m
17	300 V/m	6 V/m		V/m	V/m
18	220 V/m	30 V/m		V/m	V/m
19	90 V/m	20 V/m		V/m	V/m
20	50 V/m	28 V/m		V/m	V/m
21	20 V/m	22 V/m		V/m	V/m
22	180 V/m	47 V/m		V/m	V/m
23	30 V/m	46 V/m		V/m	V/m
24	20 V/m	11 V/m		V/m	V/m
25	150 V/m	4 V/m		V/m	V/m
26	90 V/m	55 V/m		V/m	V/m
27	V/m	V/m		V/m	V/m
28	V/m	V/m		V/m	V/m
29	V/m	V/m		V/m	V/m
30	V/m	V/m		V/m	V/m

電磁波(電場)測定結果比較表

事前測定値及び対策後の測定値を横棒グラフで作成
(縦軸:壁測定ポイント 横軸:電磁波測定値)



測定値まとめ



号室 廊下壁面測定

事前測定日時 : 2010年2月20日(土) 10:00 ~ 11:30 晴れ 室温18°C/湿度37%
 対策後測定日時 : 2010年3月27日(土) 9:00 ~ 11:30 晴れ 室温20°C/湿度40%

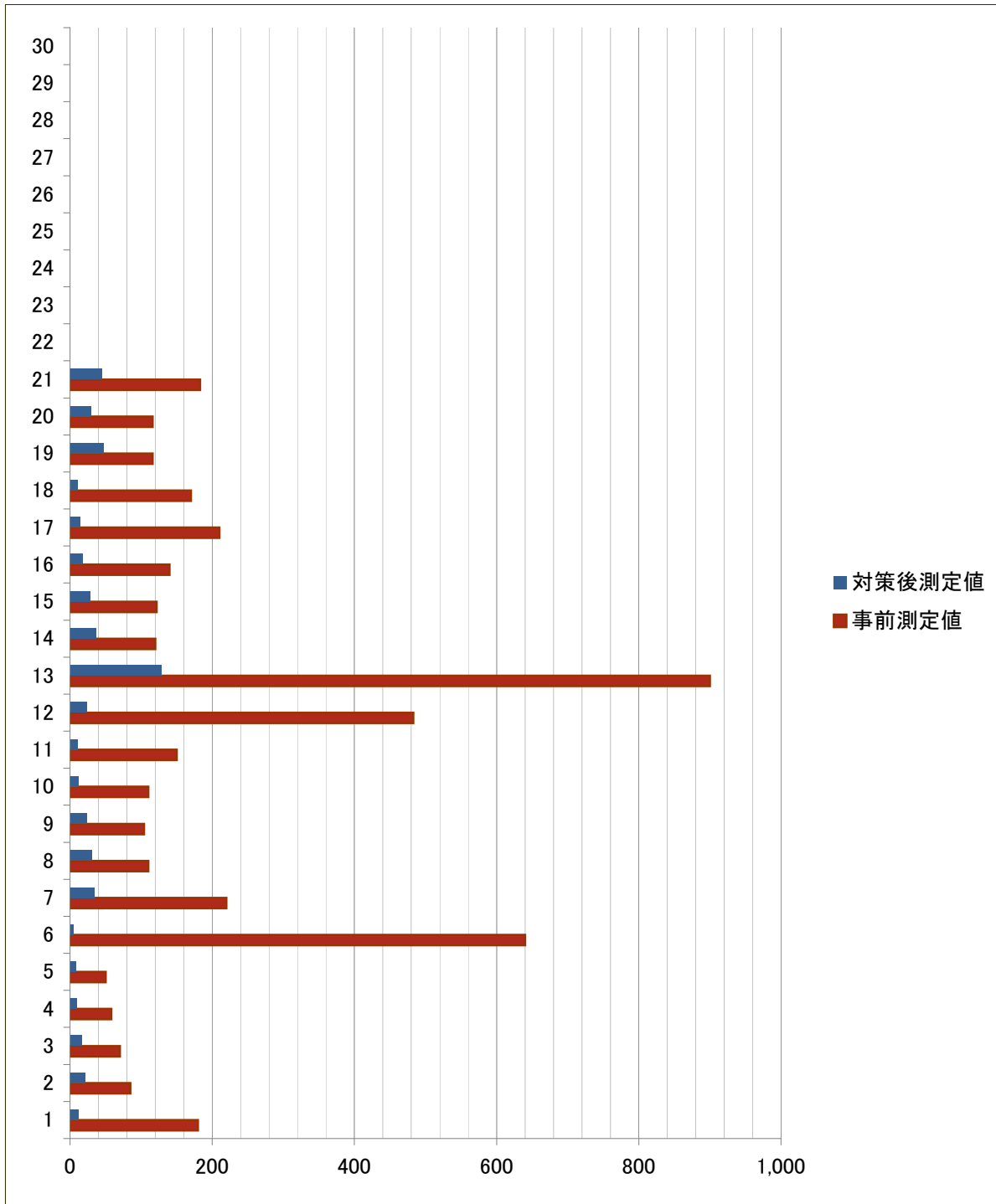
電磁波(電場)測定 まとめ

測定位置	事前測定値	対策後測定値	測定位置	事前測定値	床測定値(3/27)
1	180 V/m	12 V/m			
2	85 V/m	21 V/m			
3	70 V/m	16 V/m			
4	58 V/m	9 V/m			
5	50 V/m	8 V/m			
6	640 V/m	4 V/m			
7	220 V/m	34 V/m			
8	110 V/m	31 V/m			
9	104 V/m	23 V/m			
10	110 V/m	12 V/m			
11	150 V/m	10 V/m			
12	483 V/m	23 V/m			
13	900 V/m	128 V/m			
14	120 V/m	37 V/m			
15	122 V/m	28 V/m			
16	140 V/m	18 V/m			
17	210 V/m	14 V/m			
18	170 V/m	10 V/m			
19	116 V/m	47 V/m			
20	116 V/m	29 V/m			
21	183 V/m	45 V/m			
22					
23					
24					
25					
26					
27					
28					
29					
30					

棒グラフまとめ

電磁波(電場)測定結果比較表

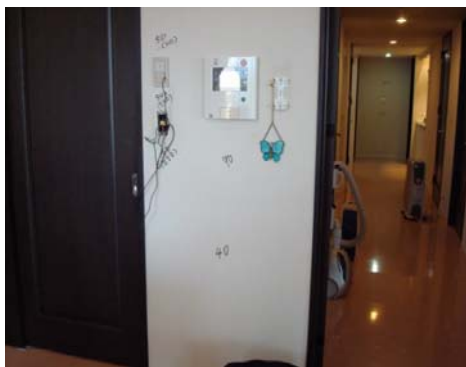
事前測定値及び対策後の測定値を横棒グラフで作成
(縦軸: 壁測定ポイント 横軸: 電磁波測定値)



事前測定時の室内状況



廊下 壁面測定値



リビング(1)



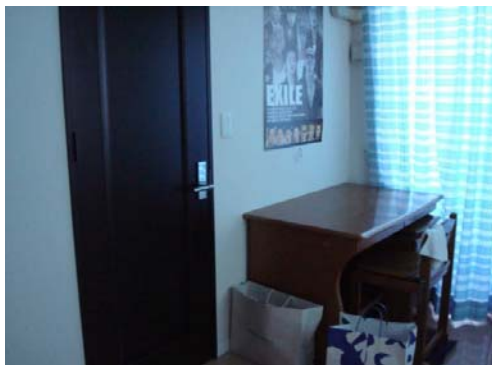
リビング(2) 出入り



廊下 壁面



玄関・廊下 壁面

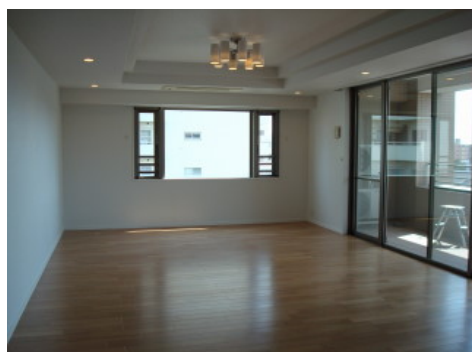


子供部屋(1)



子供部屋(2)

対策後の室内測定時の状況



リビング(1)



キッチン(1)



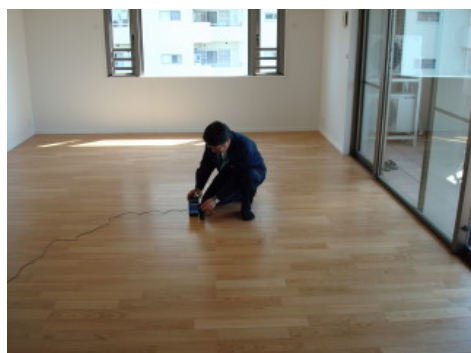
廊下(1)



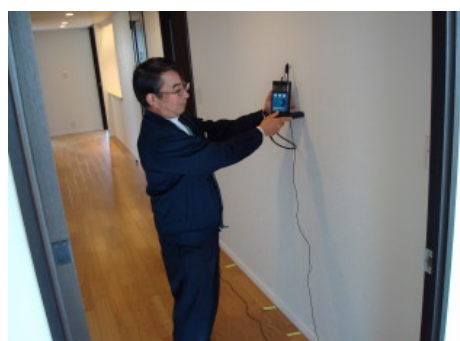
リビング 壁面測定値(1)



リビング 壁面測定値(2)



リビング床測定状況(1)



廊下 壁面測定状況(1)

